

Đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường
Chương: 426

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC
Năm 2020**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-STNMT ngày / /2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó						
				Văn phòng Sở	Chi cục Bảo vệ môi trường	Chi cục Quản lý đất đai	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	Trung tâm Kỹ thuật - Dịch vụ tài nguyên và môi trường	Trung tâm Phát triển quỹ đất
	Dự toán chi ngân sách nhà nước (số dự toán đơn vị còn được sử dụng)	-19,5	-19,5	51,0	0	0,0	0	0	0	-70,5
I	Chi hành chính	51,0	51,0	51,0	0	0,0	0	0	0	0,0
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-144,1	-144,1	-41,6	0	-102,5	0	0	0	0
	- Tiền lương và các khoản trích theo lương; Kinh phí hoạt động	-141,1	-141,1	-41,6	0	-99,5	0	0	0	0
	- Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương tại đơn vị	-3,0	-3,0		0	-3,0	0	0	0	0
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	195,1	195,1	92,6	0	102,5	0	0	0	0,0
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	195,1	195,1	92,6	0	102,5	0	0	0	0,0
	- Tiền lương và các khoản trích theo lương; Kinh phí hoạt động (Kinh phí chi cho lao động hợp đồng đối với lái xe tại đơn vị mà đã có thông báo giảm chỉ tiêu lao động tại Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 07/01/2020 của UBND tỉnh)	192,1	192,1	92,6	0	99,5	0	0	0	0

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó						
				Văn phòng Sở	Chi cục Bảo vệ môi trường	Chi cục Quản lý đất đai	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	Trung tâm Kỹ thuật - Dịch vụ tài nguyên và môi trường	Trung tâm Phát triển quỹ đất
	- Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương tại đơn vị	3,0	3,0	0,0	0	3,0	0	0	0	0
2.2	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	0,0	0,0	0,0	0	0,0	0	0	0	0,0
II	<i>Chi sự nghiệp kinh tế</i>	-70,5	-70,5	0	0	0,0	0	0	0	-70,5
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-70,5	-70,5	0	0	0	0	0	0	-70,5
	- Tiền lương và các khoản trích theo lương; Kinh phí hoạt động	-68,5	-68,5	0	0	0	0	0	0	-68,5
	- Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương tại đơn vị	-2,0	-2,0	0	0	0	0	0	0	-2,0
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0,0	0,0	0	0	0	0	0	0	0,0
2.1	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>	0,0	0,0	0	0	0	0	0	0	0,0
2.2	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	0,0	0,0	0	0	0	0	0	0	0,0